

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ÔN THI TỐT NGHIỆP NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG KHÓA 10

A. NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP

Bao gồm các kiến thức được học trong các môn học sau đây:

1. Lý thuyết tổng hợp:
 - Lý thuyết tài chính tiền tệ
 - Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại
 - Tài chính doanh nghiệp 1
2. Thực hành chuyên ngành:
 - Tín dụng và thẩm định tín dụng
 - Tài chính doanh nghiệp 2

Nội dung ôn thi chi tiết:

- Lý thuyết tài chính tiền tệ
 - Bản chất và chức năng của tiền tệ
 - Tổng quan hệ thống tài chính
 - Ngân sách nhà nước
 - Cung cầu tiền tệ, lạm phát
 - Ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại
- Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại
 - Tổng quan về hoạt động của NHTM
 - Nghiệp vụ huy động vốn
 - Hoạt động tín dụng
 - + Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn
 - + Chiết khấu giấy tờ có giá
 - + Bảo lãnh
 - + Bao thanh toán
- Tài chính doanh nghiệp 1
 - Giá trị tiền tệ theo thời gian
 - Thẩm định dự án đầu tư
 - Tác động của đòn bẩy lên rủi ro và tỷ suất sinh lợi
- Tín dụng và thẩm định tín dụng
 - Khái niệm, phân loại tín dụng ngân hàng
 - Quy trình tín dụng
 - Các vấn đề liên quan đến đảm bảo tín dụng
 - Các hình thức tín dụng và thẩm định tín dụng DN: tín dụng ngắn hạn; tín dụng trung dài hạn
 - Các hình thức tín dụng và thẩm định tín dụng cá nhân.
 - Nhận diện và đánh giá rủi ro.
- Tài chính doanh nghiệp 2
 - Vốn của Doanh nghiệp
 - Tài sản cố định

- Khấu hao tài sản cố định
- Vốn lưu động trong doanh nghiệp
- Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC) và ý nghĩa của nó trong thực tiễn.
- Doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp
- Các khoản mục chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp
- Phân tích chỉ số tài chính: ý nghĩa, cách tính

B. TÀI LIỆU ÔN TẬP

- ✓ Lý thuyết tài chính - tiền tệ - PGS Phan Thị Cúc và Ths. Đoàn Văn Huy – NXB Thống kê
- ✓ Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại – Nguyễn Minh Kiều - NXB Thống kê
- ✓ Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Nguyễn Đăng Dòn - NXB Thống kê, 2007
- ✓ Tóm tắt bài giảng : Tài chính DN – Hà Thị Thủy – Phòng TCCN & DN - Trường ĐH Tôn Đức Thắng
- ✓ Bài tập Tài chính DN – Hà Thị Thủy – Phòng TCCN & DN - Trường ĐH Tôn Đức Thắng
- ✓ Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng - Nguyễn Minh Kiều - NXB Thống kê, 2007
- ✓ Bài tập nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Nguyễn Đăng Dòn - NXB Thống kê, 2007
- ✓ Phân tích Tài chính Doanh nghiệp – Tập thể tác giả trường ĐH Ngân hàng TP. HCM- NXB ĐH Quốc Gia TP. HCM

C. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP GỢI Ý

I. LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

► Môn: Lý thuyết tài chính tiền tệ

1. Khi lạm phát xảy ra thì:
 - a. Giá gạo tăng
 - b. Giá chứng khoán giảm
 - c. Tỷ giá ngoại tệ tăng
 - d. Tất cả đều đúng
2. Lạm phát phi mã là lạm phát ở mức:
 - a. Nền kinh tế cân bằng trên mức tiềm năng
 - b. Tỷ lệ lạm phát ở mức 3 con số
 - c. Tỷ lệ lạm phát ở mức 2 con số
 - d. Tất cả đều sai
3. Giả sử các yếu tố khác không đổi, khi ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lượng tiền cung ứng sẽ:
 - a. Có thể tăng
 - b. Chắc chắn tăng
 - c. Có thể giảm
 - d. Chắc chắn giảm

4. Nếu bạn cho rằng nền kinh tế suy sụp vào năm tới, bạn sẽ nắm giữ tài sản:
 - a. Cổ phiếu thông thường
 - b. Trái phiếu Chính Phủ
 - c. Vàng SIC
 - d. Bất động sản
5. Khi lãi suất giảm, trong điều kiện Việt Nam, bạn sẽ:
 - a. Mua ngoại tệ và vàng để dự trữ
 - b. Bán Trái Phiếu Chính Phủ và đầu tư vào DN
 - c. Bán Trái Phiếu Chính Phủ và gửi tiền ra nước ngoài với lãi suất cao hơn
 - d. Tăng đầu tư vào đất đai hay các bất động sản khác
6. Trong các tài sản dưới đây, (1) tiền mặt, (2) biệt thự, (3) máy giặt cũ, (4) ngôi nhà cấp 4, trật tự sắp xếp theo thanh khoản giảm dần là:
 - a. 1-3-4-2
 - b. 4-1-3-2
 - c. 2-4-1-3
 - d. 2-1-4-3
7. Khi lạm phát xảy ra, để cân đối ngân sách nhà nước:
 - a. Chính phủ vay nợ từ công chúng và cắt giảm chi tiêu công
 - b. Chính phủ vay nợ từ công chúng trong nước
 - c. Chính phủ giảm thuế và tăng chi tiêu công
 - d. Chính phủ vay nợ từ Ngân hàng trung ương
8. Các giải pháp để giải quyết thâm hụt ngân sách:
 - a. Tăng thuế, tăng phát hành trái phiếu Chính phủ
 - b. Phát hành tiền, tăng thuế TNCN, phát hành trái phiếu Chính phủ
 - c. Tăng thuế, phát hành tiền và trái phiếu Chính phủ
 - d. Tất cả đều sai
9. Để giải quyết thâm hụt ngân sách Nhà nước khi nền kinh tế có lạm phát, có thể sử dụng biện pháp:
 - a. Phát hành thêm tiền
 - b. Tăng chi tiêu quốc phòng
 - c. Hạn chế chi tiêu thường xuyên
 - d. Tất cả đều đúng
10. Chính phủ có thể phát hành trái phiếu trong trường hợp:
 - a. Bù đắp thiếu hụt ngân sách
 - b. Cần tăng lương cho công chức Nhà nước
 - c. Tăng cung tiền tệ vào lưu thông nhằm ổn định hệ thống tiền tệ
 - d. Tất cả đều đúng
11. Khi nền kinh tế có lạm phát, một khoản tiền vay trước lạm phát thì:
 - a. Có lợi về phía người cho vay
 - b. Có lợi về phía người đi vay
 - c. Không ảnh hưởng đến khoản vay này
 - d. Tất cả đều sai

12. Để kiểm soát lạm phát, NHTW nên:
- Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Nhập khẩu hàng giá rẻ
 - Xây dựng môi trường kinh doanh hoàn hảo
 - Tất cả đều đúng
13. Nguyên nhân nào làm giảm tổng cung hàng hóa:
- Nguyên vật liệu đầu vào giảm giá
 - Lương người lao động giảm
 - Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Tất cả đều sai
14. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát ở nhiều nước có thể tổng hợp gồm:
- Lạm phát do cầu kéo, chi phí đẩy, bội chi ngân sách Nhà nước và sự tăng trưởng tiền tệ quá mức
 - Lạm phát do cầu kéo, chi phí đẩy, chiến tranh và thiên tai liên tục trong nhiều năm
 - Những yếu kém trong điều hành của ngân hàng trung ương
 - Lạm phát do cầu kéo, chi phí đẩy và những bất ổn về chính trị như đảo chính
15. Bảo hiểm xã hội nhằm mục đích:
- Lợi nhuận
 - Bảo vệ quyền lợi của người lao động
 - Bảo vệ quyền lợi của người lao động và gia đình khi gặp rủi ro
 - Bảo đảm sức khỏe cho cộng đồng
16. Nguồn vốn đáp ứng cho chi thường xuyên của NSNN:
- Nguồn thu thuế, phí, lệ phí và nguồn vay nợ trong nước của Chính phủ
 - Nguồn thu thuế, phí lệ phí của Nhà nước
 - Nguồn thu thuế, phí lệ phí và nguồn vay nợ trong ngoài nước của Chính phủ
 - Nguồn thu từ vay nợ, phần còn lại từ phí, lệ phí
17. Hoạt động nào dưới đây không thuộc quyền quyết định của tài chính hộ gia đình:
- Lựa chọn danh mục đầu tư cho khoản tiết kiệm
 - Lựa chọn các hình thức chi tiêu
 - Phân chia tiết kiệm và tiêu dùng
 - Xây dựng cấu trúc vốn
18. Nguồn gốc ra đời của tài chính:
- Sự xuất hiện của nền sản xuất hàng hóa
 - Sự xuất hiện của tiền tệ
 - Sự xuất hiện của nền sản xuất hàng hóa và tiền tệ
 - Tất cả đều sai
19. Tín dụng thương mại là:
- Quan hệ mua bán chịu giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng
 - Quan hệ vay mượn tiền trực tiếp để mua bán
 - Quan hệ giữa các doanh nghiệp có tiêu thụ hàng hóa lẫn nhau
 - Tất cả đều sai

20. Nhiệm vụ của khâu tài chính doanh nghiệp:
- Thực hiện chức năng kinh tế xã hội của Nhà nước
 - Phục vụ sản xuất kinh doanh của DN nhằm tìm kiếm lợi nhuận
 - Thực hiện chức năng trung gian tín dụng giữa nơi thừa và nơi thiếu
 - Tất cả đều sai
21. Mức cung tiền tệ là
- Khối lượng tiền cung ứng của ngân hàng Nhà nước ra nền kinh tế đảm bảo các nhu cầu sản xuất lưu thông hàng hóa, nhu cầu chi tiêu trao đổi khác của nền kinh tế xã hội
 - Tổng khối tiền tệ mà Nhà nước, các tổ chức kinh tế và cá nhân cần có để thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu
 - Khối lượng tiền cung ứng của nền kinh tế, đảm bảo các nhu cầu sản xuất lưu thông hàng hóa và các nhu cầu chi tiêu trao đổi khác của nền kinh tế xã hội
 - Khối lượng tiền cung ứng của nền kinh tế cho mục đích lưu thông hàng hóa và chi tiêu trao đổi khác của nền kinh tế xã hội
22. Nhiệm vụ của khâu tài chính hộ gia đình là:
- Thực hiện chức năng kinh tế xã hội của Nhà nước
 - Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của DN nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận
 - Đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình số còn lại tích lũy đầu tư
 - Tất cả đều sai
23. Chủ thể tham gia vào quá trình phân phối gồm:
- Người có quyền sở hữu
 - Người có quyền sử dụng
 - Có sự ràng buộc các quan hệ xã hội
 - Tất cả đều đúng
24. Tiền kim loại có giá trị bản thân 2.000, giá trị lưu thông 2.000, thuộc hình thái tiền tệ nào:
- Hóa tệ kim loại
 - Hóa tệ không kim loại
 - Tín tệ không kim loại
 - Tín tệ kim loại
25. Chế độ tiền tệ nào chọn bạc hoặc vàng đóng vai trò làm vật ngang giá chung:
- Chế độ song bản vị
 - Chế độ bản vị vàng
 - Chế độ bản vị bạc
 - Chế độ đơn bản vị
26. Trong chế độ bản vị vàng, đồng tiền lưu hành gồm:
- Tiền đúc bằng vàng
 - Tiền giấy
 - Tiền đúc bằng vàng và tiền giấy có giá trị như tiền vàng
 - Không có câu đúng

27. 10.000.000 đồng gửi ngân hàng không kỳ hạn là:
- Tiền cất trữ
 - Khoản tiền M1
 - Khoản tiền M2
 - Không có câu đúng
28. Lạm phát vừa phải còn gọi là
- Chỉ số giá
 - Lạm phát hai con số
 - Lạm phát phi mã
 - Lạm phát một con số
29. 100 tr được cất trong tủ nhà bạn thuộc khối tiền:
- M1
 - M2
 - M3
 - Không có câu đúng
30. Chức năng tiền tệ nào phản ánh sự vận động của tiền tệ tách rời sự vận động của hàng hóa:
- Chức năng phương tiện thanh toán
 - Chức năng phương tiện trao đổi
 - Chức năng phương tiện tích lũy
 - Chức năng giá trị
31. Lượng tiền có mặt trong lưu thông:
- Bằng lượng tiền giấy do ngân hàng trung ương phát hành
 - Lớn hơn lượng tiền giấy do ngân hàng trung ương phát hành
 - Nhỏ hơn lượng tiền giấy do ngân hàng trung ương phát hành
 - Tất cả đều sai
32. Nguồn gốc ra đời của tiền tệ:
- Sự xuất hiện của tài chính
 - Sự xuất hiện của Nhà nước
 - Sự xuất hiện của nền sản xuất và trao đổi hàng hóa
 - Tất cả đều sai
33. Giá cả trong nền kinh tế trao đổi bằng hiện vật được tính trên cơ sở nào:
- Theo cung cầu hàng hóa
 - Theo cung cầu hàng hóa và sự điều tiết của Chính phủ
 - Theo giá cả thị trường quốc tế
 - Một cách ngẫu nhiên
34. Hình thái tiền tệ “bút tệ” xuất hiện đầu tiên ở:
- Anh
 - Pháp
 - Mỹ
 - Đức
35. Lượng tiền giấy do ngân hàng trung ương phát hành:

- a. Lớn hơn lượng tiền trong nền kinh tế đang sử dụng
 - b. Nhỏ hơn lượng tiền trong nền kinh tế đang sử dụng
 - c. Bằng lượng tiền trong nền kinh tế đang sử dụng
 - d. Không câu nào đúng
36. Điều kiện để một hàng hóa được chấp nhận là tiền tệ trong nền kinh tế gồm:
- a. Thuận tiện trong việc sản xuất hàng loạt và dễ dàng trong việc sản xuất hàng loạt
 - b. Được chấp nhận rộng rãi
 - c. Có thể chia nhỏ và sử dụng lâu dài mà không hư hỏng
 - d. Cả 3 phương án trên
37. Tiền giấy xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam:
- a. Nhà Lý
 - b. Nhà Trần
 - c. Nhà Hồ
 - d. Nhà Nguyễn
38. Tài sản lưu động khi tham gia hoạt động kinh doanh:
- a. Luôn thay đổi hình thái vật chất để tạo ra sản phẩm
 - b. Tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh
 - c. Luôn thay đổi hình thái vật chất và tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh
 - d. Tất cả đều sai
39. Hoạt động vay tiền trên thị trường liên ngân hàng:
- a. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền NH NN
 - b. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền hội sở
 - c. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền Ngân hàng Đầu Tư
 - d. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay của ngân hàng Công Thương Hà Nội
40. Khi DN thiếu vốn kinh doanh, có thể:
- a. Vay của NHNN
 - b. Vay của kho bạc Nhà Nước
 - c. Vay của Ngân hàng thương mại
 - d. Tất cả đều đúng
41. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc của Ngân hàng thương mại:
- a. Bằng 10% nguồn vốn huy động
 - b. Bằng 10% nguồn vốn chủ sở hữu
 - c. Bằng 10% tiền gửi không kỳ hạn
 - d. Theo quy định của Ngân hàng Trung ương trong từng thời kỳ
42. Mức cung tiền tệ sẽ tăng lên khi:
- a. Tiền dự trữ của các ngân hàng thương mại tăng lên
 - b. Ngân hàng trung ương phát hành thêm tiền vào lưu thông
 - c. Ngân hàng trung ương bán các chứng từ có giá
 - d. Không câu nào đúng
43. Tài sản cố định khi tham gia hoạt động kinh doanh:
- a. Luôn thay đổi hình thái vật chất để tạo ra sản phẩm
 - b. Tham gia vào một chu kỳ kinh doanh

- c. Không thay đổi hình thái vật chất và tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh
 - d. Tất cả đều sai
44. Hoạt động nào làm tăng mức cung tiền:
- a. Ngân hàng thương mại vay tiền của ngân hàng trung ương
 - b. Ngân hàng trung ương bán các chứng từ có giá
 - c. Chính phủ phát hành trái phiếu Chính phủ
 - d. Cả 3 đều sai
45. Hoạt động nào làm tăng mức cung tiền:
- a. Ngân hàng trung ương bán các chứng từ có giá
 - b. Chính phủ phát hành trái phiếu Chính Phủ
 - c. Ngân hàng trung ương xuất ngoại tệ bán
 - d. Tất cả đều sai
46. Nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng cơ cấu vốn của ngân hàng thương mại là:
- a. Vốn tự có
 - b. Vốn huy động
 - c. Vốn vay
 - d. Cả 3 phương án trên
47. Ngân hàng trung ương là:
- a. Ngân hàng kinh doanh cho Nhà nước
 - b. Ngân hàng làm chức năng quản lý và thực thi chính sách tiền tệ
 - c. Là ngân hàng kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận
 - d. Tất cả đều sai
48. Thanh toán không dùng tiền mặt:
- a. Tuyệt đối an toàn, đảm bảo và nhanh chóng
 - b. Có lợi cho khách hàng, không có lợi cho Nhà nước
 - c. Giảm thiểu được chi phí in ấn tiền mặt, tăng được độ an toàn và tốc độ thanh toán
 - d. Không nên áp dụng vì không tính toán được số tiền phục vụ cho nền kinh tế
49. Cơ quan quản lý không thuộc chức năng kinh doanh là:
- a. Ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương
 - b. Ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán
 - c. Ủy ban chứng khoán Nhà nước, ngân hàng trung ương
 - d. Không có câu đúng
50. Cơ quan quản lý hoạt động ngân hàng thương mại có hiệu quả nhất là:
- a. Ngân hàng trung ương
 - b. Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - c. Bộ tài chính
 - d. Tất cả đều sai
51. Khi lạm phát xảy ra thì:
- a. Vàng tăng giá
 - b. Cổ phiếu tăng giá
 - c. Trái phiếu tăng giá

- d. Tất cả đều đúng
52. Khi ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, giả sử các yếu tố khác không đổi, mức cung tiền tệ sẽ thay đổi như thế nào:
- Tăng
 - Giảm
 - Không phụ thuộc vào chính sách này
 - Tất cả đều sai
53. Thanh toán bằng thẻ ngân hàng có thể được phổ biến rộng rãi trong các nền kinh tế hiện đại và Việt Nam vì:
- Là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đơn giản, thuận tiện, an toàn với chi phí thấp nhất
 - Các nước và Việt Nam có đầu tư lớn
 - Là hình thức phát triển nhất của thanh toán không dùng tiền mặt cho đến ngày nay
 - Hình thức này có thể coi đồng tiền nước nào cũng là đồng tiền quốc tế và có thể được chi tiêu ở nước ngoài với số lượng không hạn chế
54. Tiền gửi tiết kiệm của dân chúng vào ngân hàng thương mại:
- Chỉ có kỳ hạn ngắn hạn dưới 1 năm
 - Không dùng để thanh toán
 - Là cách đầu tư hiệu quả và an toàn nhất của người dân
 - Tất cả đều sai
55. Tại sao một ngân hàng có quy mô lớn thường tạo ra nhiều lợi nhuận hơn ngân hàng nhỏ:
- Có lợi ích và lợi thế theo quy mô
 - Có tiềm năng lớn trong huy động và sử dụng vốn, có uy tín với khách hàng
 - Có điều kiện để cải tiến công nghệ, đa dạng hóa hoạt động, giảm thiểu rủi ro
 - Tất cả đều đúng
56. Để khắc phục nợ xấu, các ngân hàng thương mại cần phải:
- Cho vay càng ít càng tốt
 - Cho vay càng nhiều càng tốt
 - Tuân thủ các nguyên tắc và quy trình tín dụng, chú trọng vào tài sản thế chấp
 - Đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và hỗ trợ khách hàng
57. Sự an toàn và hiệu quả trong kinh doanh của một ngân hàng thương mại có thể hiểu được là:
- Hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, có lợi nhuận và tỷ lệ nợ quá hạn ở mức cho phép
 - Tuân thủ một cách nghiêm túc các quy định của ngân hàng trung ương
 - Không có nợ xấu và nợ quá hạn
 - Tất cả đều đúng
58. Việt Nam ký hiệp định hợp tác với UNDP vào:
- 1977

- b. 1978
 - c. 1979
 - d. 1980
59. Mục đích hoạt động của WB:
- a. Cung cấp tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp các nước Châu Á xóa đói giảm nghèo
 - b. Cung cấp vốn vay phục vụ công cuộc tái thiết Châu Âu
 - c. Cung cấp tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp các nước Châu Á xóa đói giảm nghèo, cung cấp vay vốn phục vụ công cuộc tái thiết Châu Âu
 - d. Cung cấp vốn vay phục vụ công cuộc tái thiết Châu Âu và giúp đỡ các nước đang phát triển
60. Cơ quan ra quyết định cao nhất của ADB:
- a. Chủ tịch ngân hàng
 - b. Ban thống đốc
 - c. Ban giám đốc
 - d. Tất cả đều sai
61. Mục đích hoạt động của ADB:
- a. Cung cấp tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp các nước Châu Á xóa đói giảm nghèo
 - b. Cung cấp vốn vay phục vụ công cuộc tái thiết Châu Âu
 - c. Cung cấp tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp các nước Châu Á xóa đói giảm nghèo, cung cấp vay vốn phục vụ công cuộc tái thiết Châu Âu
 - d. Cung cấp vốn vay phục vụ công cuộc tái thiết Châu Âu và giúp đỡ các nước đang phát triển
62. Chủ tịch của ADB luôn là người của quốc gia:
- a. Trung Quốc
 - b. Nhật Bản
 - c. Hàn Quốc
 - d. Singapo
63. Ngân sách Nhà nước cấp huyện do:
- a. Bộ tài chính lập
 - b. Sở tài chính lập
 - c. Phòng tài chính lập
 - d. Ban tài chính lập
64. Lạm phát ở mức độ siêu lạm phát:
- a. Tỷ lệ lạm phát lớn hơn tỷ lệ tăng trưởng của tiền tệ
 - b. Tỷ lệ lạm phát dưới mức 3 con số
 - c. Tỷ lệ lạm phát từ 3 con số trở lên
 - d. Tất cả đều sai
65. Tiền kim loại có giá trị bản thân 2.000, giá trị lưu thông 5.000, thuộc hình thái tiền tệ nào:
- a. Hóa tệ kim loại

- b. Hóa tệ không kim loại
 - c. Tín tệ không kim loại
 - d. Tín tệ kim loại
66. Hội đồng nhân dân Q2 là cơ quan:
- a. Thực thi luật pháp
 - b. Giám sát
 - c. Quản lý
 - d. Không có câu đúng
67. Để giải quyết thâm hụt ngân sách Nhà nước có thể sử dụng biện pháp:
- a. Phát hành thêm tiền
 - b. Phát hành trái phiếu quốc tế
 - c. Hạn chế chi tiêu thường xuyên
 - d. Tất cả đều đúng
68. Bội chi NSNN là:
- a. Tổng chi thường xuyên > tổng thu NSNN
 - b. Tổng chi NSNN > tổng thu thường xuyên
 - c. Tổng chi thường xuyên > tổng thu thường xuyên
 - d. Tổng chi NSNN > tổng thu NSNN
69. Khoản thu nào chiếm tỷ trọng lớn nhất trong thu NSNN của Việt Nam:
- a. Thu từ các hoạt động kinh tế của Nhà nước
 - b. Thuế
 - c. Phí
 - d. Lệ phí
70. 50.000VNĐ không còn giá trị lưu thông được bạn cất làm kỷ niệm là:
- a. Tiền cất trữ
 - b. Khoản tiền M1
 - c. Khoản tiền M2
 - d. Tất cả đều sai
71. Nguyên nhân thất thu thuế ở Việt nam gồm:
- a. Do chính sách thuế và những bất cập trong chi tiêu của NSNN
 - b. Do hạn chế về nhận thức của dân chúng và một số quan chức
 - c. Do hạn chế của cán bộ thuế
 - d. Tất cả đều đúng
72. Chu trình ngân sách có thời gian:
- a. Từ 01/01 đến 31/12 hằng năm
 - b. Từ khi bắt đầu hình thành ngân sách đến khi quyết toán ngân sách
 - c. Từ khi bắt đầu hình thành ngân sách đến 31/12 hằng năm
 - d. Từ 01/01 đến khi quyết toán ngân sách
73. Những khoản mục chi thường xuyên bao gồm:
- a. Chi hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp
 - b. Chi nghiên cứu khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường
 - c. Chi xây dựng cơ sở hạ tầng

- d. Tất cả đều sai
74. Các khoản thu NSNN mang tính chất:
- Hoàn toàn bắt buộc
 - Phần lớn bắt buộc
 - Phần lớn tự nguyện
 - Tất cả đều sai
75. Để kiểm soát lạm phát, NHTW nên:
- Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Mua chứng khoán trên thị trường mở
 - Bán vàng
 - Tất cả đều đúng
76. Chọn câu đúng:
- Hao mòn vô hình chỉ xảy ra đối với tài sản cố định vô hình
 - Tại sản cố định khi tham gia hoạt động kinh doanh luôn thay đổi hình thái vật chất
 - Hao mòn vô hình làm giảm giá trị và giá trị sử dụng của tài sản
 - Hao mòn hữu hình chỉ xảy ra với tài sản cố định hữu hình
77. Ngân hàng trung ương là:
- Ngân hàng phát hành tiền
 - Ngân hàng làm chức năng quản lý và thực thi chính sách tiền tệ
 - Là ngân hàng kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận
 - a & b đều đúng
78. Ngân hàng thương mại hiện đại được quan niệm là:
- Công ty cổ phần thực sự lớn
 - Một loại hình trung gian tài chính
 - Công ty đa quốc gia thuộc sở hữu của Nhà nước
 - Một công ty đặc biệt chuyên môn hóa vào hoạt động kinh doanh tín dụng
79. Chọn câu sai:
- Hao mòn vô hình chỉ xảy ra đối với tài sản cố định vô hình
 - Tại sản cố định khi tham gia hoạt động kinh doanh không thay đổi hình thái vật chất
 - Hao mòn vô hình làm giảm giá trị của tài sản
 - Hao mòn hữu hình chỉ xảy ra với tài sản cố định hữu hình
80. Khi Ngân hàng trung ương cho ngân hàng thương mại vay thì:
- Là hoạt động tín dụng thông thường
 - Là hành động phát hành tiền vào nền kinh tế
 - Là hành động thu hồi tiền trong nền kinh tế
 - Tất cả đều sai
81. Mức độ lạm phát có lợi cho nền kinh tế:
- Tỷ lệ lạm phát nhỏ hơn tỷ lệ tăng trưởng của tiền tệ
 - Tỷ lệ lạm phát lớn hơn tỷ lệ tăng trưởng của tiền tệ
 - Lạm phát phi mã

- d. Tất cả đều sai
82. Lạm phát sẽ tác động xấu đến:
- Thu nhập của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng
 - Thu nhập của các tầng lớp dân cư
 - Thu nhập của các chuyên gia nước ngoài
 - Thu nhập cố định của người làm công
83. Hoạt động phát hành tiền vào nền kinh tế:
- Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền NHNN
 - Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền hội sở
 - Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền Ngân hàng Đầu Tư
 - Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền Ngân hàng Công Thương Hà Nội
84. Tài sản lưu động khi tham gia hoạt động kinh doanh:
- Không thay đổi hình thái vật chất và tham gia vào một chu kỳ kinh doanh
 - Tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh
 - Luôn thay đổi hình thái vật chất và tham gia vào một chu kỳ kinh doanh
 - Tất cả đều sai
85. Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chính thức gia nhập IMF vào năm:
- 1957
 - 1967
 - 1977
 - 1987
86. Chọn tài sản cố định vô hình:
- Phương tiện quản lý
 - Đất đai
 - Nhà xưởng
 - Tất cả đều sai
87. Cơ quan nào là cơ quan ban hành các luật thuế:
- Hội đồng nhân dân thành phố
 - Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương
 - Quốc hội
 - Tất cả đều sai
88. Chữ viết tắt nào sau đây của ‘chương trình phát triển của liên hiệp quốc’
- IDA
 - UNDP
 - IMF
 - WB
89. Ở Việt Nam dùng chỉ số nào sau đây để đo lường lạm phát
- Chỉ số giá sinh hoạt (CLI)
 - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
 - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
 - Chỉ số giá chi phí tiêu dùng cá nhân (PCEPI)
90. Ngân hàng nhà nước Việt Nam là mô hình:

- a. Ngân hàng kinh doanh của chính phủ
 - b. Ngân hàng đầu tư của nhà nước
 - c. Ngân hàng trung ương trực thuộc chính phủ
 - d. Ngân hàng chính sách xã hội
91. Theo quy định của Việt Nam hiện nay, để phân biệt tài sản lưu động và tài sản cố định có thể dựa vào:
- a. Tài sản lưu động là những tài sản có thể di chuyển được, tài sản cố định không thể di chuyển
 - b. Giá trị tài sản (lớn hay nhỏ), thời gian sử dụng (dài hay ngắn)
 - c. Thời gian sử dụng, độ bền, tính chất của tài sản (đối tượng lao động hay lực lượng lao động)
 - d. Tài sản cố định là nhà xưởng, vật kiến trúc, tất cả các tài sản còn lại có thể di chuyển được của doanh nghiệp là tài sản lưu động (trừ máy bay, tàu thuyền)
92. Những khoản thu nào không nằm trong thu cân đối ngân sách
- a. Thu từ vốn ODA
 - b. Thu thuế
 - c. Thu từ cho thuê hoặc bán tài nguyên thiên nhiên
 - d. Thu phí và lệ phí
93. Chức năng của ngân hàng thương mại:
- a. Chức năng trung gian thanh toán
 - b. Chức năng tạo tiền
 - c. Chức năng trung gian tín dụng
 - d. Tất cả đều đúng
94. Đặc điểm nào sau đây không phải là chức năng của NHTM
- a. Trung gian thanh toán
 - b. Trung gian tín dụng
 - c. Tạo ra tiền
 - d. Trung gian môi giới tư vấn
95. Ngân hàng trung ương là ngân hàng chỉ giao dịch với:
- a. NHTM, các tổ chức tín dụng khác, các cơ quan hành chính nhà nước.
 - b. NHTM, các tổ chức tín dụng khác, các công ty trực thuộc bộ tài chính.
 - c. NHTM, các tổ chức tín dụng khác
 - d. Tất cả đều sai
96. Những khoản thu nào không nằm trong thu cân đối ngân sách:
- a. Thu từ cho thuê hoặc bán tài nguyên thiên nhiên
 - b. Thu phí và lệ phí
 - c. Thu từ vốn ODA
 - d. Thu thuế
97. Hệ thống tài chính bao gồm các khâu chủ yếu sau:
- a. TCNN, TCDN, tài chính hộ gia đình và tổ chức xã hội, tài chính trung gian
 - b. TCNN, TCDN và tài chính dân dư
 - c. TCNN và TCDN

- d. TCNN, TCDN, tài chính dân cư, tín dụng và bảo hiểm
98. Để kiểm soát lạm phát, NHTW nên:
- Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Mua chứng khoán trên thị trường mở
 - Mua ngoại tệ
 - Tất cả đều đúng
99. Nguyên tắc của tín dụng là:
- Tài trợ, cấp vốn có tính chất không bồi hoàn
 - Hoàn trả vô điều kiện
 - Hoàn trả có điều kiện
 - Chuyển giao giá trị, có hoàn trả và có lợi tức
100. Loại lạm phát nào sau đây làm “Lưu thông tiền tệ bị rối loạn nghiêm trọng, dân chúng chạy trốn khỏi tiền tệ”
- Lạm phát vừa phải
 - Siêu lạm phát
 - Lạm phát phi mã
 - Lạm phát siêu phi mã
101. Các khoản chi của ngân sách nhà nước cho hoạt động giáo dục đào tạo là:
- Chi sự nghiệp
 - Chi quản lý nhà nước
 - Chi đầu tư phát triển
 - Tất cả đều đúng
102. Trong các khoản chi sau, khoản chi nào là không thuộc chi thường xuyên:
- Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội
 - Chi thể dục thể thao.
 - Chi y tế, giáo dục
 - Chi dự trữ của nhà nước
103. Ngân hàng thương mại có thể sử dụng công cụ nào để cạnh tranh thu hút tiền gửi:
- Lãi suất huy động và cho vay
 - Lãi suất huy động
 - Lãi suất cho vay
 - Tất cả đều sai
104. Hoạt động huy động vốn của ngân hàng là:
- Chiết khấu chứng từ có giá
 - Cho thuê tài chính
 - Cho vay
 - Tất cả đều sai
105. Hoạt động của ngân hàng trung ương là:
- Vì mục tiêu lợi nhuận chỉ là thứ yếu, chức năng chính của NHTW là quản lý nhà nước về tiền tệ
 - Không vì mục tiêu lợi nhuận mà vì sự ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng và nền kinh tế xã hội

- c. Vì mục tiêu lợi nhuận, qua đó nó thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ
 - d. Tất cả đều sai
106. Người lao động bắt buộc phải đóng:
- a. Bảo hiểm nhân thọ
 - b. Bảo hiểm tài sản
 - c. Bảo hiểm con người
 - d. Bảo hiểm xã hội
107. Những khoản chi nào dưới đây của Ngân sách Nhà nước là chi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội:
- a. Chi hỗ trợ vốn cho DNNN, và đầu tư vào hạ tầng cơ sở của nền kinh tế
 - b. Chi dự trữ Nhà nước, chi chuyển nhượng đầu tư
 - c. Chi đầu tư cho nghiên cứu khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường
 - d. Tất cả đều sai
108. Trong tài chính doanh nghiệp, hao mòn được hiểu là:
- a. Quá trình tài sản cố định và tài sản lưu động của doanh nghiệp bị mất giá
 - b. Quá trình tài sản cố định của doanh nghiệp bị mất giá
 - c. Quá trình tài sản của doanh nghiệp bị mất giá
 - d. Tất cả đều sai
109. Biện pháp nào sau đây không không ổn định được tiền tệ:
- a. Ấn định mức lãi suất cao
 - b. Chính phủ trợ giá để khuyến khích xuất khẩu
 - c. NHTW tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc
 - d. Thực hiện chính sách kiểm soát giá
110. Một đặc điểm của vốn huy động là
- a. Ngân hàng thương mại được quyền tịch thu tiền gốc và lãi nếu người gửi tiền vi phạm pháp luật
 - b. Phải theo nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi chỉ được trả nếu NH kinh doanh có lợi nhuận.
 - c. Phải theo nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận
 - d. Tất cả đều sai
111. Hệ thống NSNN bao gồm các cấp nào sau đây:
- a. NSTW và NS địa phương
 - b. NSTW
 - c. NSTW và NS địa phương, trong NS địa phương gồm: NS tỉnh, TP trực thuộc TW, NS cấp quận, huyện trực thuộc tỉnh, NS xã, phường thị trấn
 - d. NS địa phương
112. Nghiệp vụ nào sau đây không phải là nghiệp vụ chủ yếu của NHTW
- a. Chiết khấu chứng từ thương mại có giá
 - b. Nghiệp vụ thị trường mở
 - c. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - d. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc

113. Mô hình ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay:
- Ngân hàng hai cấp
 - Ngân hàng ba cấp
 - Ngân hàng một cấp
 - Ngân hàng bốn cấp
114. Chỉ tiêu của nhà nước trong nền kinh tế thị trường nhằm:
- Trả lương cho người lao động
 - Bảo đảm vốn cho các doanh nghiệp hoạt động
 - Bảo đảm các mục tiêu kinh tế chính trị xã hội
 - Trả nợ cho nước ngoài.
115. Mức cung tiền tệ sẽ tăng lên khi:
- Tiền dự trữ của các ngân hàng thương mại tăng lên
 - Ngân hàng trung ương bán vàng
 - Tỷ lệ dự trữ bắt buộc giảm
 - Tất cả đều đúng
116. Chế độ tiền tệ nào chọn bạc và vàng đóng vai trò làm vật ngang giá chung:
- Chế độ song bản vị
 - Chế độ bản vị vàng
 - Chế độ bản vị bạc
 - Chế độ đơn bản vị
117. Khâu tài chính nào trong hệ thống tài chính quốc gia sáng tạo ra giá trị mới của hàng hóa dịch vụ:
- Tín dụng
 - Bảo hiểm
 - Doanh nghiệp
 - Ngân sách Nhà nước
118. Cơ quan quản lý hoạt động ngân hàng thương mại là
- Bộ Tài chính
 - Ngân hàng trung ương
 - Bộ công thương
 - Tất cả đều sai
119. Chức năng phân phối của tài chính có những đặc điểm sau
- Phân phối của tài chính là sự phân phối chỉ diễn ra dưới hình thái giá trị, không kèm theo sự thay đổi hình thái giá trị
 - Phân phối của tài chính là sự phân phối luôn gắn liền với sự hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định
 - Phân phối của tài chính là sự phân phối dưới hình thái giá trị thông qua sự chênh lệch của giá cả và giá trị trong trao đổi hàng hóa
 - Câu a và b đúng
120. Ngân sách Nhà nước cấp xã do:
- Bộ tài chính lập
 - Sở tài chính lập

- c. Phòng tài chính lập
 - d. Ban tài chính lập
121. Trong chế độ lưu thông tiền giấy hiện nay:
- a. Tiền giấy được tự do chuyển đổi ra vàng theo giá quy định
 - b. Tiền giấy được tự do chuyển đổi ra ngoại tệ theo giá quy định
 - c. Tiền giấy được tự do chuyển đổi ra ngoại tệ mạnh theo giá quy định
 - d. Tất cả đều sai
122. Chọn câu sai:
- a. Tín dụng là quan hệ vay mượn dựa trên nguyên tắc có hoàn trả
 - b. Tín dụng là sự vận động vốn từ nơi thừa đến nơi thiếu
 - c. Tín dụng là sự chuyển giao quyền sở hữu vốn từ người cho vay sang người đi vay
 - d. Tín dụng phản ánh sự di chuyển vốn từ chủ thể tạm thời thừa sang chủ thể tạm thời thiếu
123. Biện pháp nào sau đây không kiểm chế được lạm phát:
- a. Xuất kho dự trữ bán ra
 - b. Tăng lãi suất chiết khấu và tái chiết khấu
 - c. Điều chỉnh tăng mức thuế suất
 - d. Ấn định mức lãi suất cao
124. Về hình thức, Ngân sách Nhà nước là:
- a. Là nguồn thu của Nhà nước
 - b. Nội dung chi cụ thể đã được Nhà nước định hướng
 - c. Toàn bộ các khoản thu chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước
 - d. Tất cả đều sai
125. Mức cầu tiền tệ là
- a. Tổng khối tiền tệ mà Nhà nước, các tổ chức kinh tế và cá nhân cần có để thỏa mãn các nhu cầu
 - b. Tổng số tiền tệ mà một cá nhân cần có để thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu trong một tháng
 - c. Tổng lượng tiền tệ mà nền kinh tế cần có để đảm bảo quá trình lưu thông hàng hóa
 - d. Tất cả đều sai
126. Chu trình ngân sách nhà nước:
- a. Lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước
 - b. Lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước, quyết toán kinh phí các công nhà nước
 - c. Lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước
 - d. Lập dự toán và chấp hành dự toán
127. Để giảm lượng tiền đang đòi thừa trong lưu thông, Nhà nước áp dụng
- a. Tăng lãi suất tiền gửi tiết kiệm
 - b. Tăng thuế suất đối với cá nhân hoặc các doanh nghiệp có thu nhập cao

- c. Trợ cấp cho những người hưởng lương thấp
 - d. Tất cả đều đúng
128. Nguyên nhân nào sau đây không được xem là nguyên nhân gây ra lạm phát:
- a. Hệ thống chính trị bị khủng hoảng
 - b. Nhà nước chủ động sử dụng lạm phát làm công cụ để thực thi chính sách kinh tế
 - c. Giá cả hàng hóa tăng nhanh
 - d. Lượng tiền cung cấp vào lưu thông quá mức cần thiết
129. Bản chất của tài chính là
- a. Các quan hệ về tiền tệ giữa các chủ thể trong nền tài chính
 - b. Quan hệ phân phối tiền lương
 - c. Tổng thể hệ thống các quan hệ kinh tế, gắn liền với việc phân phối sản phẩm xã hội dưới hình thức giá trị thông qua việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ đáp ứng nhu cầu của các chủ thể trong nền kinh tế
 - d. Tiền tệ trong mua bán hàng hóa
130. Nguyên nhân nào làm tăng tổng cung hàng hóa:
- a. Nguyên vật liệu đầu vào giảm giá
 - b. Lương người lao động tăng quá cao
 - c. Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp
 - d. Tất cả đều sai
131. NSNN Việt Nam được cơ quan nào lập kế hoạch:
- a. Quốc hội
 - b. Chính phủ
 - c. Bộ tài chính
 - d. Bộ kế hoạch và đầu tư
132. Chọn câu đúng
- a. Việc phát hành tiền giấy chỉ cần căn cứ vào nhu cầu mua sắm của dân cư
 - b. Việc phát hành tiền giấy là đặc quyền của nhà nước, do đó NN có thể phát hành theo nhu cầu của nhà nước
 - c. Việc phát hành tiền giấy phải cân đối với số lượng vàng (hay bạc) được tiền giấy đại diện và đáng lẽ phải được lưu thông thật sự
 - d. Việc phát hành tiền giấy dựa vào nhu cầu sử dụng tiền của dân cư, doanh nghiệp
133. Trụ sở chính của ADB đặt tại:
- a. Washington D.C
 - b. Paris
 - c. Geneve
 - d. Manila
134. Vốn lưu động trong một doanh nghiệp gồm:
- a. Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư ngắn hạn, phải thu ngắn hạn.
 - b. Hàng tồn kho (nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm)
 - c. Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
 - d. Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư ngắn hạn, phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho (nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm), tài sản ngắn hạn khác

135. Để kiểm soát lạm phát, NHTW nên:
- Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Bán chứng khoán trên thị trường mở
 - Mua ngoại tệ
 - Tất cả đều đúng
136. Chức năng của ngân hàng trung ương là:
- Chức năng trung gian thanh toán
 - Chức năng ngân hàng của ngân hàng
 - Chức năng trung gian tín dụng
 - a và c đều đúng
137. Trụ sở chính của IMF đặt tại:
- Washington D.C
 - Paris
 - Geneve
 - Manila
138. Tài sản cố định khi tham gia hoạt động kinh doanh:
- Luôn thay đổi hình thái vật chất để tạo ra sản phẩm
 - Tham gia vào một chu kỳ kinh doanh
 - Luôn thay đổi hình thái vật chất và tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh
 - Tất cả đều sai
139. Chọn câu đúng
- Cả vốn lưu động và vốn cố định đều được thu hồi bằng biện pháp khấu hao
 - Vốn cố định được thu hồi bằng biện pháp khấu hao
 - Vốn lưu động được thu hồi bằng biện pháp khấu hao
 - Tài sản lưu động có giá trị thấp, tài sản cố định có giá trị cao
140. Tiền tệ là
- Vật ngang giá dùng trong trao đổi
 - Một loại hàng hóa đặc biệt
 - Một phạm trù kinh tế-lịch sử
 - Tất cả đều đúng
141. Khoản mục chi đầu tư gồm:
- Chi giải quyết chế độ lương cho khối hành chính sự nghiệp
 - Chi giải quyết chế độ lương cho lực lượng công an
 - Chi xây dựng cầu đường, năng lượng
 - Tất cả đều sai
142. Lạm phát nào sau đây mà nền kinh tế có thể chấp nhận được:
- Lạm phát phi mã
 - Lạm phát vừa phải
 - Lạm phát siêu mã
 - Lạm phát siêu phi mã
143. Nguyên nhân khách quan của lạm phát :
- Sóng thần

- b. Nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh
 - c. Thiên tai, động đất, bão lụt
 - d. Tất cả đều đúng
144. Tiền kim loại đang lưu hành tại Việt Nam có hình thái tiền tệ:
- a. Hóa tệ kim loại
 - b. Hóa tệ không kim loại
 - c. Tín tệ không kim loại
 - d. Tín tệ kim loại
145. Vốn lưu động của doanh nghiệp theo nguyên lý chung có thể được hiểu là:
- a. Giá trị của tài sản lưu động, bằng phát minh sáng chế và các loại chứng khoán Nhà nước khác
 - b. Giá trị của toàn bộ tài sản lưu động của doanh nghiệp đó.
 - c. Giá trị của tài sản lưu động và một số tài sản khác có thời gian luân chuyển từ 5 đến 10 năm
 - d. Giá trị của công cụ lao động và nguyên nhiên vật liệu có thời gian sử dụng ngắn
146. Nghiệp vụ nào sau đây không thuộc nghiệp vụ tín dụng của NHTM:
- a. Nghiệp vụ tín dụng thế chấp
 - b. Nghiệp vụ tín dụng ứng trước vào tài khoản
 - c. Nghiệp vụ tín dụng thuê mua và tín dụng đầu tư
 - d. Nghiệp vụ ủy thác mua bán
147. Giá cả trong nền kinh tế thị trường Việt Nam hiện nay được tính trên cơ sở:
- a. Theo cung cầu hàng hóa
 - b. Theo cung cầu hàng hóa và sự điều tiết của Chính phủ
 - c. Theo giá cả thị trường quốc tế
 - d. Một cách ngẫu nhiên
148. Nhờ tiền tệ có chức năng gì mà người ta có thể tách thời gian từ lúc có thu nhập đến thời gian chi tiêu dùng:
- a. Phương tiện dự trữ về mặt giá trị
 - b. Đơn vị đo lường giá trị
 - c. Phương tiện trao đổi
 - d. Phương tiện thanh toán
149. NSNN Việt Nam được cơ quan quyết định:
- a. Quốc hội
 - b. Chính phủ
 - c. Bộ tài chính
 - d. Bộ kế hoạch và đầu tư
150. Ngân sách Nhà nước là ... của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước:
- a. Các khoản chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên
 - b. Toàn bộ các khoản thu thường xuyên, chi thường xuyên
 - c. Các khoản thuế, phí và lệ phí

- d. Toàn bộ các khoản thu chi
- 151. Ngân hàng thương mại thường xuyên giao dịch trực tiếp với là:
 - a. Ngân hàng nhà nước
 - b. Ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng
 - c. Doanh nghiệp, đoàn thể và cá nhân...
 - d. Ngân hàng thương mại và ngân hàng nhà nước
- 152. Chọn câu sai về Thuế:
 - a. Thuế mang tính cưỡng chế và được thiết lập theo nguyên tắc luật định
 - b. Tăng thu thuế đem lại nguồn thu chủ yếu cho NSNN, là công cụ kiềm giữ giá cả
 - c. Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc cho NN do luật pháp qui định
 - d. Thuế là hình thức phân phối lại bộ phận nguồn tài chính của xã hội
- 153. Chức năng phát hành giấy bạc ngân hàng luôn đi đôi với chức năng nào sau đây?
 - a. Cho vay ngân sách
 - b. Điều tiết lượng tiền cung ứng
 - c. Không kiềm chế lạm phát
 - d. Bình ổn thị trường hối đoái
- 154. Để kiểm soát lạm phát, NHTW nên:
 - a. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - b. Xây dựng môi trường kinh doanh hoàn hảo
 - c. Giảm lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu
 - d. Tất cả đều đúng
- 155. Hoạt động vay tiền trong cùng hệ thống:
 - a. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền NHNN
 - b. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền hội sở
 - c. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền Ngân hàng Đầu Tư
 - d. Ngân hàng Công Thương TP HCM vay tiền Ngân hàng Công Thương Hà Nội
- 156. Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm y tế từ đóng góp của:
 - a. Đơn vị sử dụng lao động và người lao động
 - b. Ngân sách Nhà nước
 - c. Chủ sử dụng lao động
 - d. Doanh nghiệp Nhà nước
- 157. Tài chính doanh nghiệp
 - a. Là tài chính của các chủ thể doanh nghiệp
 - b. Là tài chính của tất cả các tổ chức kinh tế với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa hay dịch vụ
 - c. Khâu cơ sở trong hệ thống tài chính quốc gia, bao gồm tài chính của các tổ chức kinh tế với hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa hay dịch vụ
 - d. Quỹ tiền tệ của doanh nghiệp
- 158. Ngân hàng nào sau đây thuộc sở hữu Nhà nước
 - a. Ngân hàng Sàn Gòn Thương Tín
 - b. Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
 - c. Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu

- d. Ngân hàng Phương Đông
- 159. Cơ quan nào của chính phủ được giao thực hiện nhiệm vụ thu NSNN:
 - a. Toàn bộ cơ quan quyền lực nhà nước đều được giao nhiệm vụ thu NSNN
 - b. Công an và quân đội
 - c. Cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan khác được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách (gọi chung là cơ quan thu)
 - d. Cơ quan thuế
- 160. Ngân hàng thương mại thường sử dụng công cụ gì để cạnh tranh thu hút tiền gửi:
 - a. Lãi suất huy động
 - b. Lãi suất cho vay
 - c. Lãi suất chiết khấu
 - d. Lãi suất huy động và cho vay
- 161. Nguyên nhân nào sau đây không được xem là nguyên nhân gây ra lạm phát do chi phí:
 - a. Giá thành nhập khẩu của nguyên vật liệu tăng cao
 - b. Tiền lương tăng đột biến
 - c. Chi ngân sách nhà nước vượt thu ngân sách nhà nước thường xuyên và kéo dài
 - d. Nguyên vật liệu khan hiếm làm chi phí đầu vào tăng
- 162. WB được thành lập vào năm:
 - a. 1944
 - b. 1955
 - c. 1966
 - d. 1977
- 163. Tiền ghi vào sổ là các khoản tiền gửi .. ở ngân hàng
 - a. Có kỳ hạn
 - b. Không kỳ hạn
 - c. Tiết kiệm
 - d. Câu a,c đúng
- 164. Việc sử dụng đồng tiền ghi sổ được thực hiện bằng:
 - a. Các bút toán ghi Nợ và ghi Có trên các tài khoản tiền mặt của doanh nghiệp
 - b. Các bút toán ghi Nợ và ghi Có trên tài khoản ‘tiền gửi ngân hàng’ của doanh nghiệp
 - c. Các bút toán ghi Nợ và ghi Có trên tài khoản ‘tiền mặt’ và ‘tiền gửi ngân hàng’ của doanh nghiệp
 - d. Tất cả đều sai
- 165. Nhiệm vụ của khâu tài chính hộ gia đình:
 - a. Thực hiện chức năng kinh tế xã hội của Nhà nước
 - b. Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của DN nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận
 - c. Thực hiện chức năng trung gian tín dụng giữa nơi thừa và nơi thiếu
 - d. Tất cả đều sai
- 166. Lý do cơ bản nhất để tiền tệ ra đời là

- a. Do sự ưa thích tiền mặt của loài người
 - b. Nhằm đáp ứng nhu cầu tích trữ của cải ngày càng nhiều của xã hội
 - c. Nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa ngày càng nhiều do nền sản xuất và trao đổi hàng hóa phát triển
 - d. Tất cả đều đúng
167. Chọn câu sai về vai trò của thuế:
- a. Thuế kích thích sự tự điều chỉnh của thị trường hàng hóa
 - b. Tạo nguồn thu cho NSNN
 - c. Chính sách thuế ảnh hưởng đến sự phát triển hoặc suy thoái của một nền kinh tế
 - d. Điều chỉnh thu nhập, thực hiện công bằng xã hội
168. ADB được thành lập vào năm:
- a. 1944
 - b. 1955
 - c. 1966
 - d. 1977
169. Nguyên nhân nào làm giảm tổng cung hàng hóa:
- a. Chiến tranh
 - b. Nguyên vật liệu đầu vào tăng quá cao
 - c. Lương người lao động tăng cao
 - d. Tất cả đều đúng
170. Quan hệ giữa Ngân sách Nhà nước và tài chính doanh nghiệp thông qua:
- a. Trả cổ tức
 - b. Trả lương
 - c. Trả thưởng
 - d. Tất cả đều sai
171. Chi cho hoạt động y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo là khoản chi:
- a. Chi đầu tư phát triển
 - b. Chi quản lý nhà nước
 - c. Chi sự nghiệp
 - d. Tất cả đều đúng
172. Mức cung tiền tệ thực hiện chức năng làm phương tiện trao đổi tốt nhất là:
- a. M1
 - b. M2
 - c. M3
 - d. Tất cả đều sai
173. Những đặc điểm nào sau đây không đúng với NHTW
- a. Là bộ máy quyền lực to lớn, chi phối kinh tế lẫn chính trị một nước
 - b. Nguồn vốn sử dụng cho hoạt động chủ yếu huy động từ nguồn tiền nhàn rỗi
 - c. Ban hành các văn bản pháp quy về tính dụng, tiền tệ, ngoại hối, ... và thực hiện kiểm tra công tác thi hành các văn bản này
 - d. Cung cấp tín dụng và tạm ứng NSNN khi cần thiết
174. NHTW không thực hiện chức năng nào sau đây:

- a. Phát hành tiền và điều tiết lưu thông tiền tệ
 - b. NHTW là ngân hàng của ngân hàng
 - c. NHTW là ngân hàng của Nhà nước
 - d. Kinh doanh tiền tệ, điều hòa lưu thông hàng hóa
175. Mức cung tiền tệ sẽ tăng lên khi:
- a. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc giảm xuống
 - b. Ngân hàng Trung ương phát hành thêm tiền mặt vào lưu thông
 - c. Tiền dự trữ của các ngân hàng thương mại giảm
 - d. Tất cả đều đúng
176. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc trưng của thuế:
- a. Tính bắt buộc
 - b. Đặc quyền của nhà nước
 - c. Hoàn trả trực tiếp
 - d. Tất cả đều sai
177. Chữ viết tắt nào sau đây của tổ chức tiền tệ quốc tế:
- a. IDA
 - b. UNDP
 - c. IMF
 - d. WB
178. Ngân sách Nhà nước cấp tỉnh do:
- a. Bộ tài chính lập
 - b. Sở tài chính lập
 - c. Phòng tài chính lập
 - d. Ban tài chính lập
179. Bản chất của tiền tệ là:
- a. Những đồng tiền xu bằng kim loại
 - b. Những chuỗi hạt, vỏ ốc, gia súc
 - c. Vật ngang giá chung làm phương tiện trao đổi hàng hóa, dịch vụ và thanh toán các khoản nợ
 - d. Những tờ giấy bạc
180. Biện pháp nào sau đây không kiềm chế được lạm phát:
- a. Đóng băng lương
 - b. Giảm chi tiêu ngân sách
 - c. Dùng lạm phát chống lạm phát
 - d. Thúc đẩy cạnh tranh
181. Khi doanh nghiệp có lợi nhuận thì:
- a. Có thể tiếp tục tái sản xuất
 - b. Chắc chắn có lợi nhuận
 - c. Trả lương cho người lao động
 - d. Tất cả đều sai
182. Khi Việt Nam bị thiên tai (bão lụt làm mất mùa), tỷ giá giữa đồng Việt Nam và Đô Mỹ sẽ thay đổi như thế nào?

- a. Không biến động
 - b. Cả hai đồng tiền đều biến động giảm giá
 - c. Biến động giảm giá đồng Đô la Mỹ
 - d. Biến động tăng giá cho Đô la Mỹ
183. Ủy ban nhân dân quận 5 là cơ quan:
- a. Thực thi luật pháp
 - b. Giám sát
 - c. Quản lý
 - d. Không có câu đúng
184. Điểm nào sau đây không khái niệm được doanh nghiệp:
- a. Có từ một chủ sở hữu trở lên, có tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định
 - b. Được phép kinh doanh trên một số lĩnh vực nhất định
 - c. Có vốn pháp định đăng ký theo quy định pháp luật
 - d. Là một tổ chức kinh doanh nhằm mục đích sinh lời
185. Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay:
- a. 1 đồng bằng 10 hào, 1 hào bằng 100 xu
 - b. 1 đồng bằng 10 hào, 1 hào bằng 10 xu
 - c. 1 đồng bằng 100 hào, 1 hào bằng 100 xu
 - d. Tất cả đều sai
186. Mục đích hoạt động của UNDP:
- a. Cung cấp vốn cho các nước khi có nhu cầu
 - b. Viện trợ vốn và kỹ thuật
 - c. Viện trợ với 2 tính chất: chuyển giao công nghệ và chuẩn bị đầu tư
 - d. Viện trợ vốn và kỹ thuật cho các nước nghèo
187. Ở hình thức giá trị nào hàng hóa được thực hiện bằng cách trao đổi sản phẩm trực tiếp:
- a. Tiền tệ
 - b. Giá trị toàn bộ hay mở rộng
 - c. Giá trị chung
 - d. Giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên
188. Khi thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế, ngân hàng trung ương có thể:
- a. Giảm “giá bán” các chứng từ có giá xuống để giảm cung tiền qua qua ngõ thị trường mở
 - b. Tăng lãi suất tái cấp vốn
 - c. Giảm “giá bán” các chứng từ có giá xuống để tăng cung tiền qua qua ngõ thị trường mở
 - d. Nâng “giá mua” các chứng từ có giá của NHTM lên để tăng cung ứng tiền qua qua ngõ thị trường mở
189. Chọn câu đúng:
- a. Tín dụng chuyển giao quyền sở hữu từ người cho vay sang người đi vay
 - b. Khi doanh nghiệp có doanh thu chắc chắn tái sản xuất

- c. Khi có doanh thu thì sản phẩm được xã hội thừa nhận
 - d. Hao mòn vô hình làm giảm về giá trị và giá trị sử dụng
190. Mệnh đề nào không đúng trong các mệnh đề dưới đây:
- a. Giá trị của tiền tệ là lượng hàng hóa mà tiền có thể mua được
 - b. Lạm phát làm giảm giá trị của tiền tệ
 - c. Lạm phát là tình trạng giá cả tăng lên
 - d. Nguyên nhân của lạm phát là do giá cả tăng lên
191. Dự trữ quốc gia được thành lập với mục đích:
- a. Giải quyết hậu quả các trường hợp rủi ro bất ngờ như thiên tai, dịch họa
 - b. Điều chỉnh giá cả, điều chỉnh thị trường khi cần thiết
 - c. Để công bố tiềm lực to lớn của quốc gia trên thị trường quốc tế
 - d. a & b đều đúng
192. Vốn lưu động của doanh nghiệp theo nguyên lý chung có thể hiểu là:
- a. Giá trị của toàn bộ tài sản lưu động của doanh nghiệp đó
 - b. Giá trị của toàn bộ tài sản lưu động và một số tài sản khác có thời gian luân chuyển từ 5 đến 10 năm
 - c. Giá trị của công cụ dụng cụ và nguyên vật liệu có thời gian ngắn
 - d. Giá trị của tài sản lưu động, bằng phát minh sáng chế và các loại chứng khoán Nhà nước
193. Khi doanh nghiệp có doanh thu thì:
- a. Có thể tiếp tục tái sản xuất
 - b. Sản phẩm được xã hội thừa nhận
 - c. Có thể có lợi nhuận
 - d. Tất cả đều đúng
194. Yếu tố nào không được coi là nguồn cung ứng vốn cho doanh nghiệp:
- a. Tiết kiệm của hộ gia đình
 - b. Quỹ khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp
 - c. Các khoản đầu tư của doanh nghiệp
 - d. Tất cả đều đúng
195. Thuế gián thu có đặc điểm:
- a. Người nộp thuế và người chịu thuế là 2 chủ thể độc lập
 - b. Thuế đánh vào tài sản của doanh nghiệp
 - c. Người nộp thuế và người chịu thuế là một
 - d. Người nộp thuế là doanh nghiệp, người chịu thuế là công chức Nhà nước
196. Trong nền kinh tế hiện vật, 1 con gà có giá trị bằng 10 ổ bánh mỳ, 1 bình sữa có giá bằng 5 ổ bánh mỳ. giá của 1 bình sữa tính theo hàng hóa khác là:
- a. Nửa con gà
 - b. Một con gà
 - c. 2 con gà
 - d. Tất cả đều sai
197. Chọn câu đúng:
- a. Thu ngân sách Nhà nước nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước

- b. Vốn kinh doanh có trước khi diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh
 - c. Chu trình ngân sách bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc khi quyết toán ngân sách
 - d. Cân đối ngân sách là ‘ tổng thu từ thuế = tổng chi ngân sách ’
198. Khi xác định mức thu thuế, Nhà nước dựa vào:
- a. Thu nhập của đối tượng nộp thuế
 - b. Nhu cầu nguồn tài chính của Nhà nước
 - c. Mức độ thâm hụt của ngân sách Nhà nước
 - d. a & b đều đúng
199. NSNN địa phương bao gồm:
- a. NS tỉnh, NS thị xã, NS quận
 - b. NS thành phố trực thuộc trung ương, NS huyện, NS thị trấn
 - c. NS tỉnh, NS huyện, NS thị xã
 - d. Tất cả đều sai
200. Chọn câu sai:
- a. Ngân sách Nhà nước Việt Nam gồm 2 cấp: NS trung ương và NS địa phương
 - b. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm 2 cấp: NHTW và NH Nhà nước
 - c. Hao mòn hữu hình giảm về mặt giá trị và giá trị sử dụng
 - d. NHTW phát hành tiền và NHTM tạo tiền

➤ **Môn: Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại**

Câu 1: Nêu khái niệm về ngân hàng thương mại và hoạt động ngân hàng. Phân biệt sự khác nhau giữa Ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Câu 2: Nêu chức năng của Ngân hàng thương mại. Luật các tổ chức tín dụng cho phép Ngân hàng thương mại được thực hiện các hoạt động chủ yếu nào?

Câu 3: Tại sao nói không có nghiệp vụ huy động vốn thì không có hoạt động của Ngân hàng thương mại? Nêu vai trò của nghiệp vụ huy động vốn đối với ngân hàng thương mại và khách hàng.

Câu 4: Phân biệt tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán) và tiền gửi có kỳ hạn (tiền gửi tiết kiệm) về mục đích, đối tượng khách hàng, thủ tục, đặc điểm.

➤ Bài tập về cách tính lãi tiền gửi thanh toán:

Bài tập 4.1: Ông An có tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng ABC. Tình hình số dư tiền gửi tháng 8/2013 của ông An như sau:

Ngày	Số dư
01/08/2013	3,000,000
09/08/2013	4,800,000
15/08/2013	4,000,000
18/08/2013	20,000,000
20/08/2013	22,000,000
23/08/2013	15,000,000
25/08/2013	18,000,000
26/08/2013	28,000,000

28/08/2013	8,000,000
31/08/2013	2,000,000

Tính lãi tiền gửi tháng 08/2013 cho tài khoản của ông An, biết ngân hàng ABC trả lãi suất tiền gửi thanh toán là 0.25%/tháng.

Bài tập 4.2:

An là khách hàng có tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng XYZ. Ngày 05/09/2013 mẹ cho An 5 triệu đồng để dành chi tiêu trong tháng. An đem toàn bộ số tiền này gửi vào tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng. Trong tháng 09, tài khoản của An có các giao dịch sau:

Ngày	Diễn giải	Số tiền gửi của An	
		Gửi tiền	Rút tiền
05/09/2013	Gửi vào	5,000,000	
10/09/2013	Trả tiền học phí		2,000,000
15/09/2013	Thu nợ của Lan	1,000,000	
18/09/2013	Trả tiền thuê nhà		600,000
25/09/2013	Cho Mai mượn tiền		1,500,000
30/09/2013			

Tính lãi tiền gửi của An trong tháng 09, biết rằng Ngân hàng trả lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0.25%/tháng

➤ Bài tập về cách tính lãi tiền gửi tiết kiệm:

Bài tập 4.3: Công ty ANZ đang có một khoản vốn nhàn rỗi. Nhà quản lý của công ty này muốn cho khoản tiền này sinh lời bằng cách đem tiền đi gửi ngân hàng với lãi suất là 8% một năm. Số tiền này dự kiến 3 năm sau mới có nhu cầu sử dụng tới.

Hỏi 3 năm sau tổng số tiền mà công ty ANZ lấy về là bao nhiêu? Lãi tiền gửi trong suốt 3 năm là bao nhiêu? (biết rằng tiền lãi và vốn gốc không được rút ra trong suốt quá trình gửi NH). Giả sử số tiền nhàn rỗi đem gửi NH là 500\$.

- Hỏi 3 năm sau tổng số tiền mà công ty ANZ lấy về là bao nhiêu (biết rằng tiền lãi và vốn gốc không được rút ra trong suốt quá trình gửi ngân hàng)? Biết lãi được ghép hàng quý.
- Ngân hàng A công bố lãi suất 7% một năm, lãi được ghép mỗi năm. Ngân hàng B công bố lãi suất 6% một năm, lãi được ghép mỗi quý. Dựa trên nền tảng lãi suất có hiệu lực hoặc lãi suất tương đương hàng năm, bạn sẽ chọn gửi vào ngân hàng nào?

Bài tập 4.4:

Công ty A đang dự kiến dành dụm tiền để đầu tư vào dự án lớn.

- Giả sử công ty A gửi vào Ngân hàng một khoản tiền là 20,000 USD trong vòng 3 năm. Nếu lãi suất Ngân hàng là 8%/năm thì tổng số tiền (vốn gốc và lãi) mà công ty nhận được cuối năm thứ 3 là bao nhiêu?
- Giả sử công ty A gửi vào Ngân hàng một khoản tiền là 20,000 USD trong vòng 3 năm. Nếu lãi suất Ngân hàng là 8%/năm thì tổng số tiền (vốn gốc và lãi) mà công ty nhận được cuối năm thứ 3 là bao nhiêu? Biết lãi được ghép 6 tháng một lần.

- c. Ngân hàng ABC công bố lãi suất là 9%/năm, lãi ghép mỗi năm. Ngân hàng XYZ công bố lãi suất 8%/năm, lãi ghép mỗi quý. Dựa trên nền tảng lãi suất thực, công ty A sẽ chọn gửi vào Ngân hàng nào?

Câu 5: Khái niệm tín dụng, nội dung của tín dụng? Nêu các tiêu thức phân loại tín dụng?

Câu 6: Quy trình tín dụng là gì? Các bước của quy trình tín dụng? Ý nghĩa của việc thiết lập quy trình tín dụng?

Câu 7: Nêu khái niệm về cho vay ngắn hạn. Các phương thức cho vay ngắn hạn.

Câu 8: Khái niệm chiết khấu? Chiết khấu và cho vay khác nhau như thế nào? Nêu một số hình thức chiết khấu mà ngân hàng thương mại hiện nay đang cung cấp cho khách hàng.

Câu 9: Hạn mức tín dụng là gì? Khái niệm cho vay theo hạn mức tín dụng?

Bài tập về cách xác định hạn mức tín dụng.

Bài tập 9.1: Cho bảng báo cáo tài chính của công ty XYZ:

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tài sản lưu động	4,150	Nợ phải trả	5,450
Tiền mặt và tiền gửi NH	500	Nợ ngắn hạn	4,250
Chứng khoán ngắn hạn	0	Phải trả người bán	910
Khoản phải thu	750	Phải trả CNV	750
Hàng tồn kho	2,500	Phải trả khác	150
Tài sản lưu động khác	400	Vay ngắn hạn NH	2,440
Tài sản cố định ròng	3,000	Nợ dài hạn	1,200
Đầu tư tài chính dài hạn	500	Vốn chủ sở hữu	2,200
Tổng cộng	7,650	Tổng cộng	7,650

Xác định hạn mức tín dụng biết vốn chủ sở hữu tham gia theo tỷ lệ phần trăm tối thiểu là 30%.

Bài tập 9.2:

Công ty TNHH ABC có lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm nộp cho Ngân hàng yêu cầu vay theo hạn mức tín dụng, công ty đã cung cấp cho Ngân hàng bảng báo cáo tài chính như sau:

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tài sản lưu động	5,075	Nợ phải trả	7,198
Tiền mặt và tiền gửi NH	513	Nợ ngắn hạn	3,178
Chứng khoán ngắn hạn	0	Phải trả người bán	500
Khoản phải thu	1,662	Phải trả CNV	178
Hàng tồn kho	2,900	Phải trả khác	0
Tài sản lưu động khác	0	Vay ngắn hạn NH	2,500
Tài sản cố định ròng	3,424	Nợ dài hạn	4,020
Đầu tư tài chính dài hạn	5,538	Vốn chủ sở hữu	6,839
Tổng cộng	14,037	Tổng cộng	14,037

Dựa vào kết hoạch tài chính trên, bạn hãy xác định hạn mức tín dụng của công ty TNHH ABC biết vốn chủ sở hữu của công ty tham gia là 40% nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thường xuyên.

Câu 10: Nêu khái niệm bảo lãnh ngân hàng, mục đích và tác dụng của bảo lãnh? Vì sao gọi bảo lãnh là hình thức cấp tín dụng đặc biệt? Nêu khái quát về quy trình bảo lãnh.

➤ **Môn: Tài chính doanh nghiệp 1**

Bài tập 1: Bạn là một chuyên viên phân tích tài chính cho công ty XYZ. Vị giám đốc phụ trách hoạch định ngân sách vốn đã yêu cầu bạn phân tích hai dự án đầu tư X và Y. Mỗi dự án có chi phí 10.000\$ và chi phí sử dụng vốn cho mỗi dự án là 12%. Dòng tiền phát sinh hàng năm dự kiến của các dự án như sau:

Dòng tiền của dự án như sau:

Năm	Dự án X	Dự án Y
0	-10,000	-10,000
1	6,500	3,500
2	3,000	3,500
3	3,000	3,500
4	1,000	3,500

- Hãy tính thời gian thu hồi vốn, hiện giá thuần NPV, tỷ suất thu hồi nội bộ IRR của mỗi dự án. Biết thời gian thu hồi vốn chuẩn của cả hai dự án là 3 năm.
- Dự án hoặc các dự án nào nên được chấp nhận nếu chúng độc lập nhau?
- Dự án nào nên được chấp nhận nếu chúng loại trừ lẫn nhau?

Bài tập 2:

Công ty của bạn đang phải đối mặt với việc lựa chọn một trong các dự án sau đây. Biết rằng cả hai dự án đều cần một khoản đầu tư ban đầu là 15 triệu đô. Dòng tiền phát sinh của các dự án như sau:

Năm	Dự án A	Dự án B
1	5,000,000	10,000,000
2	7,000,000	8,000,000
3	10,000,000	6,000,000

- Hiện giá thuần của hai dự án bằng bao nhiêu tại các mức chi phí sử dụng vốn lần lượt là 5%; 10%; 15%.
- Nếu chi phí sử dụng vốn của cả hai dự án là 10%. Bạn sẽ lựa chọn dự án nào?
 - Nếu chúng độc lập nhau?
 - Nếu chúng loại trừ nhau?

Bài tập 3:

Một công ty XYZ đang thẩm định 2 dự án A và B có dòng tiền được cho trong bảng sau đây:

Năm	0	1	2	3	4
Dự án A	-1000	900	250	10	10
Dự án B	-1000	0	250	400	800

- Hãy tính NPV của mỗi dự án tại mức lãi suất chiết khấu 10% và 20%.

- b. Hãy tính IRR của mỗi dự án? Nếu đây là 2 dự án loại trừ nhau thì theo công ty nên chọn dự án nào nếu xét dựa trên chỉ tiêu IRR, giải thích rõ lý do công ty đưa ra quyết định lựa chọn dự án. Biết chi phí sử dụng vốn của mỗi dự án là 10%.
- c. Nếu đây là 2 dự án loại trừ nhau, thì theo tiêu chuẩn NPV công ty sẽ lựa chọn dự án nào, giải thích rõ lý do công ty đưa ra quyết định lựa chọn dự án? Biết chi phí sử dụng vốn của mỗi dự án là 10%.

Bài tập 4:

Công ty B phải chọn lựa giữa một xe tải nặng hàng chạy gas và một xe tải nặng hàng chạy điện để chuyên chở vật liệu trong phân xưởng. Do cả 2 xe đều có cùng chức năng, công ty sẽ phải chọn một trong 2 xe. Xe chạy điện có giá mua cao hơn nhưng chi phí hoạt động thấp hơn. Giá xe này là 22.000\$, trong khi giá xe chạy gas là 17.500\$. Chi phí sử dụng vốn áp dụng cho cả hai dự án đều là 12%. Tuổi thọ của cả 2 loại xe được ước tính khoảng 6 năm. Trong thời gian này các dòng tiền phát sinh hàng năm cho xe điện là 6.290\$/năm và xe chạy gas là 5.000\$/năm. Hãy tính NPV và IRR cho mỗi loại xe và đề nghị công ty nên chọn loại xe nào?

Bài tập 5:

Công ty B phải chọn lựa giữa một xe tải nặng hàng chạy gas và một xe tải nặng hàng chạy điện để chuyên chở vật liệu trong phân xưởng. Do cả 2 xe đều có cùng chức năng, công ty sẽ phải chọn một trong 2 xe. Xe chạy điện có giá mua cao hơn nhưng chi phí hoạt động thấp hơn. Giá xe này là 22.000\$, trong khi giá xe chạy gas là 17.500\$. Chi phí sử dụng vốn áp dụng cho cả hai dự án đều là 12%. Tuổi thọ của cả 2 loại xe được ước tính khoảng 6 năm. Trong thời gian này các dòng tiền phát sinh hàng năm cho xe điện là 6.290\$/năm và xe chạy gas là 5.000\$/năm. Hãy tính NPV và IRR cho mỗi loại xe và đề nghị công ty nên chọn loại xe nào?

Bài tập 6:

Doanh số của công ty TOR gần đây là 100.000 sản phẩm, đơn giá mỗi sản phẩm (giá thuần) 7,5\$ chi phí khả biến là 3\$/sản phẩm, chi phí hoạt động cố định là 250.000\$. Lãi vay hàng năm là 80.000\$. Công ty hiện đang có 24.000 cổ phần thường và không có cổ phần ưu đãi. Giả định thuế suất thuế thu nhập là 40%.

- a. Tính sản lượng hòa vốn.
- b. Tính thu nhập cổ phần thường (EPS) ở mức sản lượng trên và ở mức sản lượng 120.000 sản phẩm.
- c. Tính độ nghiêng đòn bẩy kinh doanh ở mức doanh số 750.000\$.
- d. Tính độ nghiêng đòn bẩy tài chính ở mức EBIT tương ứng mức doanh số 750.000\$.
- e. Sử dụng độ nghiêng đòn bẩy tổng hợp để xác định tác động đến EPS khi doanh số tăng 10% (sử dụng mức doanh số 750.000\$)

Bài tập 7:

Công ty XYZ chuyên sản xuất bánh bóng chuyên bãi biển, doanh số hàng năm 400.000 trái, biến phí mỗi trái bánh là 0,84\$, đơn giá bán thuần là 1\$, tổng định phí hàng năm 28.000\$. Công ty phải trả lãi vay mỗi năm là 6.000\$, công ty hiện có 10.000 cổ phần thường và chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- a. Xác định sản lượng hòa vốn của công ty?

b. Xác định độ nghiêng đòn bẩy kinh doanh DOL, độ nghiêng đòn bẩy tài chính DFL, độ nghiêng đòn bẩy tổng hợp DTL?

Bài tập 8:

Một công ty hiện có doanh số là 4000.000\$. Biến phí bằng 70% doanh thu. Định phí là 200.000\$. chi phí lãi vay hàng năm là 100.000\$.

- Độ nghiêng đòn bẩy kinh doanh của công ty này là bao nhiêu?
- Nếu doanh số của cty tăng lên 20% thì lợi nhuận trước thuế và lãi vay của ty tăng lên bao nhiêu?
- Xác định độ lớn đòn bẩy tài chính của ty?
- Nếu doanh số tăng lên 20% thì thu nhập mỗi cổ phần của các cổ đông thay đổi như thế nào?

Bài tập 9:

Công ty hoa mai bán thành phẩm của mình với giá bán 9\$/sp, tổng định phí hàng năm 20.000\$, biến phí đơn vị sản phẩm là 5\$.

- Hãy tính lãi trước thuế và lãi vay (EBIT) của cty ở mức sản lượng 8.000sp
- Xác định sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp sản xuất ở mức sản lượng nào thì sẽ có lời? ở mức sản lượng là bao nhiêu thì bị lỗ?
- Nếu giá bán đơn vị sản phẩm tăng lên thành 12\$/sp trong khi các yếu tố khác không thay đổi. hãy xác định mức sản lượng và doanh thu hòa vốn mới.?
- Giả sử năm nay công ty có sự đầu tư mua sắm một loại dây chuyền sản xuất mới với nguyên giá là 10.000\$, ước tính thời gian sản dụng 10 năm. khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Nhờ trang bị dây chuyền mới hiện đại nên cty tiết kiệm được chi phí nhân công và nguyên vật liệu nên biến phí đơn vị giảm xuống còn 3\$. Hãy xác định mức sản lượng và doanh thu hòa vốn mới.

Bài tập 10:

Trong kỳ kinh doanh, một doanh nghiệp có số liệu sau đây:

Giá bán đơn vị sản phẩm: 10.000 đồng

Biến phí đơn vị sản phẩm: 6.000 đồng

Tổng định phí: 200.000.000 đồng

Tổng lãi vay: 100.000.000 đồng

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ: 100.000

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%

Yêu cầu:

- Tính EBIT và EPS của doanh nghiệp ở các mức sản lượng sau:
100.000 sản phẩm?
Khi sản phẩm tăng 30%
Khi sản phẩm giảm 30%
- Tính đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tài chính và đòn bẩy tổng hợp của doanh nghiệp tại mức sản lượng 100.000 sản phẩm.
- Nếu số lượng sản phẩm tăng lên 10% thì EBIT của doanh nghiệp tăng lên bao nhiêu phần trăm?

II. THỰC HÀNH CHUYÊN NGÀNH

➤ Môn: Tín dụng và thẩm định tín dụng

Bài tập 1:

Ngày 20/8/2012, Công ty Phương Nam bán chịu cho công ty Sozo một lô hàng với trị giá 60.000.000 đ, hai bên thỏa thuận nợ bằng một thương phiếu có ngày đáo hạn là 12/12/2012. Tuy nhiên, đến ngày 25/10/2012, Công ty Phương Nam cần tiền nên đến ngân hàng xin chiết khấu một thương phiếu này với lãi suất chiết khấu là 10.5%/năm, tỷ lệ hoa hồng phí là 0.07%/mệnh giá, hoa hồng phí cố định là 10.000 đ/thương phiếu. Hãy xác định số tiền ngân hàng trả cho khách hàng. Biết ngân hàng thực hiện chiết khấu trong 01 ngày.

Bài tập 2:

Ngày 25/6/2012, DN A đến ngân hàng xin chiết khấu 3 thương phiếu, lãi suất chiết khấu là 10%/năm, tỷ lệ hoa hồng phí là 0.06%/mệnh giá. Hãy xác định số tiền ngân hàng trả cho DN A. Biết ngân hàng làm việc 01 ngày

Số thứ tự	Mệnh giá	Ngày đáo hạn	Hoa hồng phí
	50.000.000	20/7/2012	10.000
2	100.000.000	10/7/2012	20.000
3	25.000.000	4/7/2012	5.000

Bài tập 3:

Công ty cổ phần Hoa Mộc Lan đề nghị ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị của hợp đồng là 20.000 triệu đồng. Giá trị bảo lãnh do bên nhận bảo lãnh yêu cầu là 10% giá trị hợp đồng, thời hạn bảo lãnh là 180 ngày. Để bảo đảm cho việc phát hành thư bảo lãnh này Công ty cổ phần Hoa Mộc Lan đã đem tài sản của mình thế chấp tại ngân hàng, biết:

- Phí bảo lãnh 1%/năm đối với giá trị bảo lãnh được đảm bảo dưới hình thức ký quỹ, 2%/năm đối với giá trị bảo lãnh được bảo đảm dưới các hình thức bảo đảm khác.
- Số tiền phí bảo lãnh tối thiểu cho một lần phát hành thư bảo lãnh là 150.000đ.
- Lãi suất ngân hàng phải cho vay để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho khách hàng là 0.9%/tháng, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Yêu cầu:

1. Tính số tiền phí bảo lãnh mà Công ty CP Hoa Mộc Lan phải trả cho ngân hàng.
2. Nếu sau khi ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền trên và sau 90 ngày Công ty CP Hoa Mộc Lan mới trả nợ ngân hàng, hãy tính số tiền lãi mà công ty phải thanh toán cho ngân hàng.

Bài tập 4:

Công ty ABC ký hợp đồng bán hàng trả chậm thời hạn 02 tháng cho công ty Thương mại XYZ với lô hàng trị giá 500 triệu đồng. Theo thỏa thuận giữa hai bên mua bán và ngân hàng X, công ty XYZ sử dụng dịch vụ bao thanh toán với những cam kết sau:

- Lãi suất chiết khấu đối với bao thanh toán là 10.2%/năm, ngân hàng ứng trước 80% giá trị hợp đồng.
- Phí quản lý dịch vụ bao thanh toán là 0.2% trên giá trị hợp đồng.

- Phí xử lý hóa đơn là 0.1% trên giá trị hóa đơn.

Ngân hàng thu tất cả các phí khi ứng trước tiền cho khách hàng.

Hãy xác định nghĩa vụ thanh toán giữa các bên liên quan khi tất toán dịch vụ trên.

Bài tập 5:

Công ty GZK dự kiến kế hoạch kinh doanh năm N+1 như sau:

- Doanh thu thuần dự kiến năm N+1 là 15.000 trđ
- Lãi dự kiến bằng 5% doanh thu thuần, kế hoạch khấu hao 325trđ
- Vòng quay vốn lưu động năm N là 2.5 vòng/năm
- Biết năm N+1 vòng quay vốn lưu động tương đương năm N

Hãy tính hạn mức tín dụng có thể cấp cho doanh nghiệp trong năm N+1?

Cho biết:

Bảng cân đối kế toán năm N của công ty GZK:

A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	4,000	A. NỢ PHẢI TRẢ	4,100
Tiền mặt và tiền gửi NH	1,500	1. Nợ ngắn hạn	3,600
Chứng khoán ngắn hạn	250	Phải trả người bán	1,970
Khoản phải thu	750	Phải trả CNV	680
Hàng tồn kho	1,300	Phải trả khác	750
Tài sản lưu động khác	200	Vay ngắn hạn NH	200
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH RÒNG	3,100	2. Nợ dài hạn	500
C. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	0	B. VỐN CSH	3,000
TỔNG TÀI SẢN	7,100	TỔNG NGUỒN VỐN	7,100

Bài tập 6:

Tháng 12/2008 trên tài khoản cho vay luân chuyển của công ty ABC có các số liệu như sau (ĐVT: triệu đồng)

Ngày tháng	Số dư	Ngày tháng	Số dư
1/12	5.600	18/12	5.500
6/12	6.000	23/12	6.000
10/12	4.900	26/12	5.500
14/12	4.500	30/12	5.000

Với lãi suất là 1,2% tháng. Hãy xác định lãi vay của công ty ABC trong tháng 12/2008?

► Môn: Tài chính doanh nghiệp 2

Bài tập 1:

Công ty C dự kiến mua một hệ thống dây chuyền của Úc trị giá 1 tỷ đồng. Thuế nhập khẩu 2%, chi phí vận chuyển bốc dỡ 50 triệu. Chi phí lắp đặt chạy thử 100 triệu đồng. Công ty được chiết khấu thanh toán 100 triệu đồng. Dây chuyền này có đời sống hữu dụng 10 năm. Yêu cầu tính khấu hao từng năm của hệ thống thiết bị trên theo phương pháp:

- ✓ Tuyến tính cố định
- ✓ Kết hợp

- ✓ Tổng số

Bài tập 2:

Tại công ty ABC trong năm 2012 có tình hình sau:

- ✓ Nhà cửa, vật kiến trúc: 3.000.000.000 đồng
- ✓ Máy móc thiết bị: 2.500.000.000 đồng
- ✓ Phương tiện vận tải: 900.000.000 đồng
- ✓ Phương tiện quản lý: 500.000.000 đồng

Năm 2013 công ty có các dự kiến sau:

Bán bớt thiết bị cũ trị giá 700 triệu đồng vào cuối tháng 5.

Khoảng đầu tháng 7 công ty nhập thêm một số máy móc thiết bị có nguyên giá 300 triệu đồng.

Thanh lý một xe ô tô cũ vào đầu tháng 8, nguyên giá 360.

Yêu cầu lập kế hoạch khấu hao của công ty năm 2013. Biết rằng tỷ lệ khấu hao cơ bản bình quân là 10%.

Bài tập 3:

Công ty ABC có cơ cấu tài chính như sau:

Nguồn vốn	Số tiền	Giá sử dụng %
Vay ngân hàng	1.000	6,1%
Trái phiếu	1.500	6,2%
Cổ phiếu ưu đãi	1.000	10,0%
Cổ phiếu thường	5.500	12,0%
Lãi để lại	1.000	12,0%

Tính giá sử dụng vốn bình quân của công ty ABC.

Bài tập 4:

Hãy phân tích và đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp A dựa vào các tài liệu sau:

Bảng cân đối kế toán 31/12/2012 như sau: (ĐVT: Triệu đồng)

TÀI SẢN	2012	2011	NGUỒN VỐN	2012	2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	50.190	47.026	A. NỢ PHẢI TRẢ	47.523	44.875
I. Tiền và tương đương tiền	2.540	2.081	I. Nợ ngắn hạn	25.523	20.875
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.800	1.625	II. Nợ dài hạn	22.000	24.000
III. Các khoản phải thu	18.320	16.850	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	34.367	32.151
IV. Hàng tồn kho	27.530	26.470	I. Vốn chủ sở hữu	34.367	32.151
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	31.700	30.000	(như vốn đầu tư của chủ sở hữu, lợi nhuận chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần...)		
I. Các khoản phải thu dài hạn			II. Các quỹ		
II. Tài sản cố định	31.700	30.000			
III. Bất động sản đầu tư					
TỔNG TÀI SẢN	81.890	77.026	TỔNG NGUỒN VỐN	81.890	77.026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (ĐVT: Triệu đồng)

1. Doanh thu thuần (Revenue)	112.760
2. Giá vốn hàng bán (Cost of Goods)	85.300
3. Lợi nhuận gộp (Gross Profit)	27.460
4. Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	15.940
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (EBIT) (EBIT = Earning before interest and tax)	11.520
6. Chi phí lãi vay (Interest)	3.160
7. Thu nhập trước thuế (EBT) (EBT: Earning before tax)	8.360
8. Chi phí thuế (tax) 40%	3.344
9. Lợi nhuận ròng sau thuế (EAT) (EAT: Earning after tax)	5.016

Tài liệu khác:

- Doanh thu bán chịu 70% doanh thu thuần.
- Doanh nghiệp phát hành 30.000 cổ phiếu thường. Thị giá cổ phiếu vào đầu năm là 0,08/cổ phiếu và cuối năm là 0,109/cổ phiếu.
- Quyết định của HĐQT sẽ chia cổ tức theo tỷ lệ 70% lãi ròng.

